BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Số: 1156 /QĐ-YDHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Điều dưỡng Khoá 2020 – 2024 (đợt 01/07/2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-YDHP ngày 15/06/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm học 2023 - 2024 ngày 01/07/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Điều dưỡng, khóa 2020 – 2024 (đợt 01/07/2024) cho **154** (một trăm lăm mươi tư) sinh viên, trong đó:

04 sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi
149 sinh viên tốt nghiệp loại Khá
01 sinh viên tốt nghiệp loại Trung bình
(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Quản lý Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Công tác chính trị, Trung tâm TT-Thư viện, Khoa Điều dưỡng và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: Văn thư, QLĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 2020 - 2024 (ĐỢT 01/07/2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1156/QĐ-YDHP ngày 01 tháng 7 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
1	2050000010	Phạm Thị Hoài	An	Nữ	24/08/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16A	2,85	Khá	HPMU.B003513	000891/2024/CQ
2	2050000030	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	11/10/2002	Tỉnh Vĩnh Phúc	ĐDCQ.K16A	3	Khá	HPMU.B003514	000892/2024/CQ
3	2050000097	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/03/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16A	3,24	Giỏi	HPMU.B003515	000893/2024/CQ
4	2050000021	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	07/07/2002	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCQ.K16A	2,79	Khá	HPMU.B003516	000894/2024/CQ
5	2050000176	Đào Thị Ngọc	Ánh	Nữ	11/09/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16A	2,93	Khá	HPMU.B003517	000895/2024/CQ
6	2050000123	Đoàn Ngọc	Bảo	Nam	21/07/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,83	Khá	HPMU.B003518	000896/2024/CQ
7	2050000124	Đỗ Minh	Chi	Nữ	01/11/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,78	Khá	HPMU.B003519	000897/2024/CQ
8	2050000118	Phạm Thùy	Dương	Nữ	29/11/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,76	Khá	HPMU.B003520	000898/2024/CQ
9	2050000172	Phạm Thái	Hà	Nữ	20/12/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,77	Khá	HPMU.B003521	000899/2024/CQ
10	2050000173	Trịnh Thị Thu	Hà	Nữ	21/10/2002	Tỉnh Điện Biên	ĐDCQ.K16A	2,88	Khá	HPMU.B003522	000900/2024/CQ
11	2050000007	Mai Thị	Hằng	Nữ	14/02/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16A	3,12	Khá	HPMU.B003523	000901/2024/CQ
12	2050000168	Phạm Thị	Hoài	Nữ	23/03/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16A	2,8	Khá	HPMU.B003524	000902/2024/CQ
13	2050000005	Cấn Thị	Hương	Nữ	12/01/2002	Tỉnh Hà Tây	ĐDCQ.K16A	2,71	Khá	HPMU.B003525	000903/2024/CQ
14	2050000117	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	19/06/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,71	Khá	HPMU.B003526	000904/2024/CQ
15	2050000167	Bùi Thị Thúy	Hường	Nữ	09/12/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16A	2,72	Khá	HPMU.B003527	000905/2024/CQ
16	2050000128	Đỗ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	26/03/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16A	2,92	Khá	HPMU.B003528	000906/2024/CQ
17	2050000194	Mai Thị	Huyền	Nữ	26/02/2001	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16A	2,62	Khá	HPMU.B003529	000907/2024/CQ
18	2050000175	Trần Thị	Lan	Nữ	09/02/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16A	2,66	Khá	HPMU.B003530	000908/2024/CQ
19	2050000029	Vũ Hương	Lan	Nữ	13/10/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16A	3,01	Khá	HPMU.B003531	000909/2024/CQ
20	2050000086	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	27/07/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16A	2,59	Khá	HPMU.B003532	000910/2024/CQ
21	2050000039	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	22/12/2002	Tỉnh Hà Tây	ĐDCQ.K16A	2,78	Khá	HPMU.B003533	000911/2024/CQ
22	2050000155	Phạm Thùy	Linh	Nữ	14/05/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,62	Khá	HPMU.B003534	000912/2024/CQ
23	2050000111	Thang Thị Thảo	Linh	Nữ	31/05/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16A	2,92	Khá	HPMU.B003535	000913/2024/CQ
24	2050000040	Cao Thị Quỳnh	Ly	Nữ	18/10/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16A	2,78	Khá	HPMU.B003536	000914/2024/CQ
25	2050000101	Trịnh Thị	Mai	Nữ	19/07/2002	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCQ.K16A	2,65	Khá	HPMU.B003537	000915/2024/CQ
26	2050000178	Trần Thị	Mơ	Nữ	02/04/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16A	2,91	Khá	HPMU.B003538	000916/2024/CQ
27	2050000036	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	04/06/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16A	2,87	Khá	HPMU.B003539	000917/2024/CQ
28	2050000083	Hoàng Thị Thu	Phương	Nữ	24/07/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16A	2,94	Khá	HPMU.B003540	000918/2024/CQ
29	2050000158	Khúc Thu	Quỳnh	Nữ	20/05/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,72	Khá	HPMU.B003541	000919/2024/CQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
30	2050000187	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	17/10/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16A	2,73	Khá	HPMU.B003542	000920/2024/CQ
31	2050000077	Vũ Phương	Thảo	Nữ	10/08/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,81	Khá	HPMU.B003543	000921/2024/CQ
32	2050000033	Phạm Thị	Thơm	Nữ	24/11/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16A	2,64	Khá	HPMU.B003544	000922/2024/CQ
33	2050000004	Bùi Thị	Thu	Nữ	28/12/2001	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16A	2,83	Khá	HPMU.B003545	000923/2024/CQ
34	2050000103	Đỗ Thị	Thu	Nữ	29/10/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16A	2,73	Khá	HPMU.B003546	000924/2024/CQ
35	2050000070	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	15/08/2002	Thành phố Hà Nội	ĐDCQ.K16A	2,87	Khá	HPMU.B003547	000925/2024/CQ
36	2050000027	Hoàng Phương	Thùy	Nữ	08/01/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16A	2,91	Khá	HPMU.B003548	000926/2024/CQ
37	2050000145	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	27/06/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16A	2,92	Khá	HPMU.B003549	000927/2024/CQ
38	2050000140	Nguyễn Khắc	Việt	Nam	14/05/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16A	2,89	Khá	HPMU.B003550	000928/2024/CQ
39	2050000080	Trần Thị	Yến	Nữ	18/03/2000	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16A	2,9	Khá	HPMU.B003551	000929/2024/CQ
40	2050000108	Bùi Hà	Anh	Nữ	22/05/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16B	2,68	Khá	HPMU.B003552	000930/2024/CQ
41	2050000081	Bùi Thị Quỳnh	Anh	Nữ	10/02/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,88	Khá	HPMU.B003553	000931/2024/CQ
42	2050000037	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	20/12/2002	Tỉnh Bắc Giang	ĐDCQ.K16B	2,97	Khá	HPMU.B003554	000932/2024/CQ
43	2050000019	Trần Thị Kiều	Anh	Nữ	04/08/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	2,9	Khá	HPMU.B003555	000933/2024/CQ
44	2050000051	Đoàn Thái	Bảo	Nữ	09/10/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16B	3,08	Khá	HPMU.B003556	000934/2024/CQ
45	2050000065	Đỗ Thị Lệ	Chi	Nữ	05/08/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	2,91	Khá	HPMU.B003557	000935/2024/CQ
46	2050000183	Lê Anh	Chúc	Nữ	03/09/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	2,64	Khá	HPMU.B003558	000936/2024/CQ
47	2050000122	Ngô Thị Bích	Diệp	Nữ	01/11/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16B	3	Khá	HPMU.B003559	000937/2024/CQ
48	2050000053	Hoàng Thị Hồng	Gấm	Nữ	24/07/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16B	2,87	Khá	HPMU.B003560	000938/2024/CQ
49	2050000049	Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	29/01/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	2,76	Khá	HPMU.B003561	000939/2024/CQ
50	2050000042	Đỗ Thị	Hà	Nữ	10/11/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,84	Khá	HPMU.B003562	000940/2024/CQ
51	2050000151	Phạm Thanh	Hà	Nữ	16/07/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16B	2,81	Khá	HPMU.B003563	000941/2024/CQ
52	2050000034	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	10/01/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	2,8	Khá	HPMU.B003564	000942/2024/CQ
53	2050000166	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	10/08/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16B	2,45	Trung bình	HPMU.B003565	000943/2024/CQ
54	2050000110	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/03/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	3,13	Khá	HPMU.B003566	000944/2024/CQ
55	2050000060	Đỗ Lan	Hương	Nữ	09/12/2002	Tỉnh Phú Thọ	ĐDCQ.K16B	2,65	Khá	HPMU.B003567	000945/2024/CQ
56	2050000104	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	19/03/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,86	Khá	HPMU.B003568	000946/2024/CQ
57	2050000026	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	Nữ	25/07/2002	Tỉnh Bắc Giang	ĐDCQ.K16B	2,83	Khá	HPMU.B003569	000947/2024/CQ
58	2050000134	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	22/12/2002	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCQ.K16B	2,79	Khá	HPMU.B003570	000948/2024/CQ
59	2050000063	Trần Gia	Linh	Nữ	16/08/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	3	Khá	HPMU.B003571	000949/2024/CQ
60	2050000069	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	01/06/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16B	2,65	Khá	HPMU.B003572	000950/2024/CQ
61	2050000179	An Thị	Ngọc	Nữ	26/11/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,72	Khá	HPMU.B003573	000951/2024/CQ
62	2050000009	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	20/04/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16B	2,75	Khá	HPMU.B003574	000952/2024/CQ
63	2050000181	Vũ Đình	Phúc	Nam	28/01/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16B	2,72	Khá	HPMU.B003575	000953/2024/CQ
64	2050000135	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	29/05/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16B	3,07	Khá	HPMU.B003576	000954/2024/CQ
65	2050000066	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	03/02/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	2,8	Khá	HPMU.B003577	000955/2024/CQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
66	2050000152	Trần Thị	Quyên	Nữ	17/09/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16B	2,78	Khá	HPMU.B003578	000956/2024/CQ
67	2050000188	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	29/01/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16B	2,67	Khá	HPMU.B003579	000957/2024/CQ
68	2050000043	Bùi Duy	Thái	Nam	14/07/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,77	Khá	HPMU.B003580	000958/2024/CQ
69	2050000180	Vũ Thị Hương	Thảo	Nữ	15/04/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,66	Khá	HPMU.B003581	000959/2024/CQ
70	2050000150	Bùi Thị Vinh	Thương	Nữ	28/11/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,91	Khá	HPMU.B003582	000960/2024/CQ
71	2050000096	Phạm Thị	Thùy	Nữ	10/04/2001	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16B	2,69	Khá	HPMU.B003583	000961/2024/CQ
72	2050000055	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	26/06/2002	Tỉnh Vĩnh Phúc	ĐDCQ.K16B	2,8	Khá	HPMU.B003584	000962/2024/CQ
73	2050000129	Bùi Thanh	Trúc	Nữ	21/05/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16B	2,88	Khá	HPMU.B003585	000963/2024/CQ
74	2050000038	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	27/01/2002	Tỉnh Bắc Giang	ĐDCQ.K16B	2,67	Khá	HPMU.B003586	000964/2024/CQ
75	2050000015	Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	21/09/2002	Tỉnh Ninh Bình	ĐDCQ.K16B	2,77	Khá	HPMU.B003587	000965/2024/CQ
76	2050000184	Dương Thị Hồng	Uyển	Nữ	01/03/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16B	2,78	Khá	HPMU.B003588	000966/2024/CQ
77	2050000090	Cao Thị Yến	Vy	Nữ	19/03/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16B	2,96	Khá	HPMU.B003589	000967/2024/CQ
78	2050000195	Đoàn Thị Hải	Yến	Nữ	22/08/2001	Tỉnh Hà Tây	ĐDCQ.K16B	3,16	Khá	HPMU.B003590	000968/2024/CQ
79	2050000031	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	26/10/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16C	2,74	Khá	HPMU.B003591	000969/2024/CQ
80	2050000148	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/10/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16C	2,63	Khá	HPMU.B003592	000970/2024/CQ
81	2050000050	Vũ Minh	Anh	Nữ	18/09/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16C	2,82	Khá	HPMU.B003593	000971/2024/CQ
82	2050000154	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/05/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16C	2,86	Khá	HPMU.B003594	000972/2024/CQ
83	2050000071	Nguyễn Thùy	Chang	Nữ	26/07/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16C	2,78	Khá	HPMU.B003595	000973/2024/CQ
84	2050000191	Nguyễn Hồng	Dịu	Nữ	15/04/2002	Thành phố Hà Nội	ĐDCQ.K16C	3	Khá	HPMU.B003596	000974/2024/CQ
85	2050000024	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	13/09/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16C	2,97	Khá	HPMU.B003597	000975/2024/CQ
86	2050000056	Bùi Thúy	Hà	Nữ	03/12/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	3,1	Khá	HPMU.B003598	000976/2024/CQ
87	2050000016	Chu Thị	Hà	Nữ	14/09/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16C	2,79	Khá	HPMU.B003599	000977/2024/CQ
88	2050000100	Đoàn Thị Thu	Hà	Nữ	05/12/2002	Tỉnh Bắc Giang	ĐDCQ.K16C	2,86	Khá	HPMU.B003600	000978/2024/CQ
89	2050000073	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	20/01/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16C	3,05	Khá	HPMU.B003601	000979/2024/CQ
90	2050000133	Dương Thúy	Hằng	Nữ	29/11/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	2,99	Khá	HPMU.B003602	000980/2024/CQ
91	2050000014	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	30/09/2002	Tỉnh Ninh Bình	ĐDCQ.K16C	2,68	Khá	HPMU.B003603	000981/2024/CQ
92	2050000032	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	29/07/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16C	2,57	Khá	HPMU.B003604	000982/2024/CQ
93	2050000105	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	12/05/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	2,95	Khá	HPMU.B003605	000983/2024/CQ
94	2050000147	Ngô Đức	Hùng	Nam	11/06/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16C	2,71	Khá	HPMU.B003606	000984/2024/CQ
95	2050000012	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	23/11/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	2,75	Khá	HPMU.B003607	000985/2024/CQ
96	2050000115	Đoàn Diệu	Hương	Nữ	18/09/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16C	2,67	Khá	HPMU.B003608	000986/2024/CQ
97	2050000001	Lò Thị Thu	Huyền	Nữ	18/05/2001	Tỉnh Sơn La	ĐDCQ.K16C	2,79	Khá	HPMU.B003609	000987/2024/CQ
98	2050000058	Lê Thị Ngọc	Lan	Nữ	24/11/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16C	2,7	Khá	HPMU.B003610	000988/2024/CQ
99	2050000075	Đồng Mai	Linh	Nữ	25/10/2002	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCQ.K16C	2,66	Khá	HPMU.B003611	000989/2024/CQ
100	2050000072	Trịnh Vĩnh	Linh	Nữ	28/01/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16C	2,86	Khá	HPMU.B003612	000990/2024/CQ
101	2050000078	Vũ Thị	Ngân	Nữ	01/02/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16C	2,86	Khá	HPMU.B003613	000991/2024/CQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
102	2050000084	Trịnh Thị	Nguyệt	Nữ	06/09/2002	Tỉnh Thanh Hóa	ĐDCQ.K16C	2,79	Khá	HPMU.B003614	000992/2024/CQ
103	2050000035	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/09/2002	Tỉnh Vĩnh Phúc	ĐDCQ.K16C	2,89	Khá	HPMU.B003615	000993/2024/CQ
104	2050000023	Bùi Thị Kim	Oanh	Nữ	27/03/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16C	3,08	Khá	HPMU.B003616	000994/2024/CQ
105	2050000025	Phạm Ngọc	Quỳnh	Nữ	10/10/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16C	2,77	Khá	HPMU.B003617	000995/2024/CQ
106	2050000045	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	07/10/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	2,83	Khá	HPMU.B003618	000996/2024/CQ
107	2050000139	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	29/07/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	2,74	Khá	HPMU.B003619	000997/2024/CQ
108	2050000112	Đặng Thạch	Thảo	Nữ	15/12/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16C	2,7	Khá	HPMU.B003620	000998/2024/CQ
109	1950000033	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	15/10/2000	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	2,79	Khá	HPMU.B003621	000999/2024/CQ
110	2050000092	Đồng Thanh	Thương	Nữ	25/02/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16C	2,78	Khá	HPMU.B003622	001000/2024/CQ
111	2050000074	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/09/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16C	3,09	Khá	HPMU.B003623	001001/2024/CQ
112	1950000100	Vũ Văn	Trường	Nam	11/08/2001	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16C	3,05	Khá	HPMU.B003624	001002/2024/CQ
113	2050000022	Trần Thị	Tươi	Nữ	07/09/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16C	2,59	Khá	HPMU.B003625	001003/2024/CQ
114	2050000142	Vũ Cẩm	Vân	Nữ	08/10/2002	Tỉnh Bắc Ninh	ĐDCQ.K16C	2,58	Khá	HPMU.B003626	001004/2024/CQ
115	2050000017	Vũ Thị	Vân	Nữ	11/01/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16C	2,69	Khá	HPMU.B003627	001005/2024/CQ
116	2050000130	Nguyễn Thị Yến	Vy	Nữ	12/05/2002	Tỉnh Hà Nam	ĐDCQ.K16C	2,72	Khá	HPMU.B003628	001006/2024/CQ
117	2050000020	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	28/02/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16C	2,75	Khá	HPMU.B003629	001007/2024/CQ
118	2050000087	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	08/09/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16D	3,11	Khá	HPMU.B003630	001008/2024/CQ
119	2050000095	Bùi Kim	Chi	Nữ	24/07/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16D	2,85	Khá	HPMU.B003631	001009/2024/CQ
120	2050000082	Ngọ Mai	Chi	Nữ	26/05/2002	Thành phố Hà Nội	ĐDCQ.K16D	3,08	Khá	HPMU.B003632	001010/2024/CQ
121	2050000006	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	04/02/2002	Tỉnh Vĩnh Phúc	ĐDCQ.K16D	2,91	Khá	HPMU.B003633	001011/2024/CQ
122	2050000041	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	03/10/2002	Tỉnh Hà Nam	ĐDCQ.K16D	3,09	Khá	HPMU.B003634	001012/2024/CQ
123	2050000119	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	14/03/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16D	3,31	Giỏi	HPMU.B003635	001013/2024/CQ
124	2050000113	Lê Thị	Hiên	Nữ	02/07/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16D	2,96	Khá	HPMU.B003636	001014/2024/CQ
125	2050000089	Lê Thị Thanh	Hiền	Nữ	30/07/2002	Tỉnh Hà Nam	ĐDCQ.K16D	3,01	Khá	HPMU.B003637	001015/2024/CQ
126	2050000085	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	Nữ	08/02/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16D	2,82	Khá	HPMU.B003638	001016/2024/CQ
127	2050000185	Vũ Tiến	Hoàng	Nam	13/09/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16D	3,05	Khá	HPMU.B003639	001017/2024/CQ
128	2050000120	Bùi Hải	Hồng	Nữ	06/07/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16D	2,62	Khá	HPMU.B003640	001018/2024/CQ
129	2050000018	Đinh Thị	Huệ	Nữ	25/10/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16D	3,36	Giỏi	HPMU.B003641	001019/2024/CQ
130	2050000088	Đỗ Ngọc	Huyền	Nữ	23/04/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16D	2,84	Khá	HPMU.B003642	001020/2024/CQ
131	2050000048	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	24/11/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16D	2,9	Khá	HPMU.B003643	001021/2024/CQ
132	2050000169	Vũ Thị	Huyền	Nữ	12/11/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16D	2,98	Khá	HPMU.B003644	001022/2024/CQ
133	2050000059	Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	01/03/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16D	2,83	Khá	HPMU.B003645	001023/2024/CQ
134	2050000171	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	Nữ	29/07/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16D	2,78	Khá	HPMU.B003646	001024/2024/CQ
135	2050000054	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	30/09/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16D	3,01	Khá	HPMU.B003647	001025/2024/CQ
136	2050000067	Phạm Phương	Linh	Nữ	29/10/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16D	2,92	Khá	HPMU.B003648	001026/2024/CQ
137	2050000137	Đỗ Thị	Mai	Nữ	19/02/2001	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16D	3,19	Khá	HPMU.B003649	001027/2024/CQ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ
138	2050000094	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	26/04/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16D	3,09	Khá	HPMU.B003650	001028/2024/CQ
139	2050000102	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	05/11/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16D	2,73	Khá	HPMU.B003651	001029/2024/CQ
140	2050000197	Ngô Thảo	Nguyên	Nữ	12/01/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16D	2,64	Khá	HPMU.B003652	001030/2024/CQ
141	2050000189	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	18/03/2002	Tỉnh Vĩnh Phúc	ĐDCQ.K16D	3,07	Khá	HPMU.B003653	001031/2024/CQ
142	2050000160	Chu Thị Minh	Tâm	Nữ	28/04/2002	Tỉnh Hà Tây	ĐDCQ.K16D	2,59	Khá	HPMU.B003654	001032/2024/CQ
143	2050000013	Bùi Thị	Thảo	Nữ	25/06/2002	Tỉnh Hưng Yên	ĐDCQ.K16D	2,73	Khá	HPMU.B003655	001033/2024/CQ
144	2050000186	Cao Thị Dương	Thảo	Nữ	27/10/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16D	2,54	Khá	HPMU.B003656	001034/2024/CQ
145	2050000163	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	15/11/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16D	2,66	Khá	HPMU.B003657	001035/2024/CQ
146	2050000161	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/12/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16D	2,86	Khá	HPMU.B003658	001036/2024/CQ
147	2050000127	Phạm Minh	Thu	Nữ	08/09/2002	Thành phố Hà Nội	ĐDCQ.K16D	2,99	Khá	HPMU.B003659	001037/2024/CQ
148	2050000159	Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	31/10/2002	Tỉnh Hải Dương	ĐDCQ.K16D	2,79	Khá	HPMU.B003660	001038/2024/CQ
149	2050000003	Vũ Thị Anh	Tuyết	Nữ	22/09/2002	Thành phố Hải Phòng	ĐDCQ.K16D	2,8	Khá	HPMU.B003661	001039/2024/CQ
150	2050000011	Lưu Thị Thanh	Vân	Nữ	23/10/2002	Tỉnh Thái Bình	ĐDCQ.K16D	2,92	Khá	HPMU.B003662	001040/2024/CQ
151	2050000002	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	20/09/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16D	3,26	Giỏi	HPMU.B003663	001041/2024/CQ
152	2050000146	Nguyễn Thị Thu	Xuân	Nữ	04/12/2002	Tỉnh Quảng Ninh	ĐDCQ.K16D	2,78	Khá	HPMU.B003664	001042/2024/CQ
153	2050000136	Chu Thị Hải	Yến	Nữ	29/07/2001	Tỉnh Phú Thọ	ĐDCQ.K16D	3,13	Khá	HPMU.B003665	001043/2024/CQ
154	2050000170	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	05/04/2002	Tỉnh Nam Định	ĐDCQ.K16D	2,94	Khá	HPMU.B003666	001044/2024/CQ

Tổng số: 154
Giỏi 04
Khá 149
Trung bình 01

Người lập

Bùi Tú Tuấn

HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải